TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Toàn và ông Lê Đình Khôi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Đức B,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Y,** sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B và chị Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04-6-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp. Từ năm 2018 chị Y bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay, không biết đang ở đâu, làm gì, không còn liên lạc với nhau, sau đó anh đã tìm kiếm chị Y nhiều nơi, bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không có tin tức gì của chị Y. Anh đã làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với chị Y và được Tòa án nhân dân huyện Tân Phú ra quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST-DS ngày 07-4-2022, tuyên bố chị Trần Thị Y, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 12, ấp Phương Lâm, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai mất tích. Nay

bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Y.

- Về nuôi con: Anh và chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Như Y1, sinh ngày 28-4-2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 19-7-2013. Hiện nay các con chung do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, tạm thời chưa yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh và chị Y không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Y không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B. Về hôn nhân: Cho anh B được ly hôn với chị Y. Về con chung: Giao cho anh B trực tiếp nuôi các con chung, tạm thời chị Y chưa phải cấp dưỡng cho con. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Trần Thị Y có nơi cư trú cuối cùng tại xã P1, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Đức B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Y, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh B là nguyên đơn và chị Y là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải

không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa anh B và chị Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 04-6-2010. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh B trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, chị Y đã bỏ đi biệt tích từ năm 2018 cho đến nay và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phú tuyên bố chị Trần Thị Y mất tích theo Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 07-4-2022. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy đinh:

...

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.

...

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Anh B yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Ngọc Như Y1, sinh ngày 28-4-2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 19-7-2013, tạm thời chưa yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, các con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh có trách nhiệm chăm sóc và nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, chị Y thiếu trách nhiệm và vắng mặt tại địa phương nên không đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Đối với cháu Y1 và cháu N là con đủ 07 (bảy) tuổi trở lên có nguyện vọng muốn ở với anh B. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Anh B trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Y không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B.

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức B được ly hôn với chị Trần Thị Y.

- Về nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Đức B trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Ngọc Như Y1, sinh ngày 28-4-2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 19-7-2013, tạm thời chị Y chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đức B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002492 ngày 10-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (Số 39, ngày 04-6-2010) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại